TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 142/2022/HS-ST Ngày: 19-7-2022	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ N - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Đức Nguyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Thắng.

Bà Trần Thị N.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Toà án nhân dân thành phố N.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N tham gia phiên tòa: Ông Phạm Bá Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2022; tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định. Tòa án nhân dân thành phố N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 137/2022/TLST-HS ngày 24-6-2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2022/QĐXXST-HS ngày 06-7-2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị Thu H - sinh năm 1970 tại tỉnh Nam Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi cư trú: Số 35 đê sông Đ, phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; Quốc tịch: V Nam; con ông Nguyễn Văn T và bà Trương Thị T (đã chết); có chồng Dương Đình V và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 08-4-2022, sau đó chuyển tạm giam từ ngày 14-4-2022, đến ngày 23-5-2022 được Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Trần Thị N, sinh năm 1942; nơi cư trú: Số 13C/20 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định (bà N vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thu H làm giúp việc cho nhà bà Trần Thị N tại số nhà 13C/20 đường H, phường V, thành phố N, tỉnh Nam Định. Hàng ngày chỉ có bà N và H sinh hoạt tại đây. Khoảng 08 giờ ngày 07-4-2022, bà N xuống tầng 1 thì H lên tầng 2 của ngôi nhà để dọn dẹp, Trong lúc dọn dẹp, H thấy cửa phòng ngủ của bà N chỉ khép nên nảy sinh ý định vào tìm kiếm tài sản để trộm cắp. H đẩy cửa vào, đến đầu giường ngủ và lật đệm lên thì H phát hiện bên dưới có 01 ví giả da màu xanh, kích thước khoảng (20 x 13) cm. H mở ví ra thấy có 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng, hình tròn, đường kính khoảng 02 cm, số tiền 6.000.000 đồng và 800 USD. Quan sát thấy bà N chưa lên, H nhanh chóng cầm chiếc nhẫn kim loại màu vàng xuôn vào dây chuyền đang đeo trên cổ của mình và lấy chiếc ví trong đó có toàn bộ số tiền giấu vào trong người. Sau đó, H xuống phòng ngủ tầng 1 và giấu chiếc ví trong tủ quần áo của mình. Sau khi dọn dẹp, khoảng 08 giờ 30 phút, H nói với bà N là gia đình có việc nên xin nghỉ. Sau đó, H mang chiếc ví có số tiền trên bỏ vào cốp xe máy biển kiểm soát B1-15554 của H rồi đi về nhà. Đến 10 giờ cùng ngày, bà N phát hiện bị mất tài sản và nghi ngờ H là người trộm cắp nên bà H gọi điện thông báo cho cháu là anh Trần Đăng V, sinh năm 2001; nơi cư trú: Số 165 đường P, phường T, thành phố N để trình báo Công an phường V, thành phố N.

Sau khi hoàn thiện hồ sơ ban đầu, Công an phường V đã chuyển toàn bộ hồ sơ đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N để thụ lý điều tra, giải quyết theo thẩm quyền. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố N đã triệu tập Nguyễn Thị Thu H để đấu tranh. Tại Cơ quan điều tra, H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân như đã nêu trên, đồng thời, H đã giao nộp toàn bộ số tài sản đã trộm cắp của bà Trần Thị N.

Tại bản Kết luận giám định số 2349/KL-KTHS ngày 22-4-2022 của Viện KH học hình sự Bộ Công an đã kết luận: 01 chiếc nhẫn kim loại màu vàng mặt

trong nhẫn có chữ và số "LANANH 9999" gửi giám định có trọng lượng 3,74 gam là vàng, hàm lượng vàng là 99,74%.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 16-5-2022 của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự thành phố N đã kết luận: 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 5.455.000 đồng; 800 USD trị giá 18.720.000 đồng. Chiếc ví giả da màu xanh đã cũ, có giá trị không đáng kể nên bà Trần Thị N đề nghị không định giá.

Sau khi xác minh, Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Trần Thị N toàn bộ số vật chứng gồm: 01 chiếc ví giả da màu xanh, kích thước (20 x 13) cm; 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 5.455.000 đồng; 800 USD trị giá 18.720.000 đồng và số tiền 6.000.000 đồng. Bà N đã nhận lại tài sản và không có ý kiến thắc mắc gì. Ngoài ra, bà N có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho Nguyễn Thị Thu H.

Bản Cáo trạng số 136/CT-VKS-TPNĐ ngày 23-6-2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố N truy tố Nguyễn Thị Thu H về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay dùng nhục hình. Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố là đúng và khai nhận biết rõ hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng do ham lợi nên đã thực hiện hành vi trộm cắp với mục đích lấy tài sản bán đi để lấy tiền chi tiêu cho bản thân. Bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới và ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố N luận tội và tranh luận: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Nguyễn Thị Thu H theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 12 tháng đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách gấp đôi.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời sau cùng đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, Người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị Thu H có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa bị cáo đều thừa nhận hành vi phạm tội của mình, không có sự mâu thuẫn và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ như đơn trình báo của bị hại; biên bản nhận dạng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ nên đã có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 08 giờ ngày 07-4-2022, tại số nhà 13C/20 đường H, phường V, thành phố N, Nguyễn Thị Thu H đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bà Trần Thị N 01 chiếc ví bên trong có 01 chiếc nhẫn vàng trị giá 5.455.000 đồng, 800 USD trị giá 18.720.000 đồng và số tiền 6.000.000 đồng, tổng trị giá tài sản là 30.175.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi trộm cắp tài sản của mình là vi phạm pháp luật nhưng để có tiền tiêu xài cá nhân bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Tài sản bị cáo chiếm đoạt có tổng trị giá 30.175.000 đồng nên việc truy tố và đưa ra xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Các tình tiết Hội đồng xét xử sẽ xem xét khi Quyết định hình phạt đối với bị cáo:

[3.1] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên toà, bị cáo Nguyễn Thị Thu H đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả; ngoài ra bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo nên bị cáo Nguyễn Thị Thu H được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội với người từ đủ 70 tuổi trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về hình phạt: Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có nhân thân tốt, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo phạm tội lần đầu, được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm b , i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có đủ điều kiện được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện , để bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Chính quyền địa phương giám sát , giáo dục theo quy định Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo Nguyễn Thị Thu H không có nghề nghiệp ổn định nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo Nguyễn Thị Thu H chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp. Bị hại bà Trần Thị N đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên Hội Đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường

vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật Hình sự; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thu H phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 19-7-2022 (bị cáo có thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 08-4-2022 đến ngày 23-5-2022).

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho UBND phường L, thành phố N, tỉnh Nam Định để giám sát , giáo dục trong thời gian thử thách . Trong trường hợp bị cáo Nguyễn Thị Thu H thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo Nguyễn Thị Thu H cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể Quyết định buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải chấp hành hình phạt 01 năm tù đã cho hưởng án treo.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

3. Quyền kháng cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại bà Trần Thị N (vắng mặt) được quyền làm đơn kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ Bản án.

Trong trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền tự nguyện thi hành hoặc

cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. N (02 bản);
- Công an TP. N;
- Chi cục THADS TP. N;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Đức Nguyên